

VĂN HỌC

A4742



Chân dung cụ Phan-Thanh-Giản

(Cliché NAM-KY)

Từ nghề văn sĩ đến nghề làm quan (Phiếm luận về làng văn). — Thi thoại. — Tập « Tây phù nhật ký » (Một áng văn của cụ Phan - Thanh - Giản). — 6\$ thuế thân năm 1934 (truyện ngắn). — Sự học quốc ngữ — Cái bảng đen — Viếng mẹ bạn — Khóc một người bạn — Tặng bạn — Xuân sang nhớ người — Đêm buồn (Văn thơ). — Xuân giang hoa nguyệt gia (Dịch Hán văn). — Tờ báo riêng của bọn hành khất (Tập truyện). — Mấy câu đối — v... v...

Mỗi số

4 xu

TỪ NGHỀ VĂN - SĨ ĐẾN NGHỀ LÀM QUAN



Ông nguyên chủ bút báo Nam Phong cứ yên tâm!
Tôi chỉ muốn nói với ông Trọng-Khiêm, tác giả bộ chuyện Kim-Anh lệ-sử.

Đối với một người mà văn nghiệp đã có hồi hiển hách, tưởng cũng chẳng cần giới thiệu kỹ càng đời tư ra với quốc dân. Chắc không ai còn chẳng biết rằng ông Trọng Khiêm xưa kia làm phán sự và hiện giờ ông làm quan

Nói thế không phải có ý chỉ rằng ông Trọng Khiêm đã phát vì cuốn *Kim-Anh Lệ-Sử*. Mặc dầu tỏ mình là từng chải, là quân tử, là khinh đời, một cuốn tiểu thuyết, ở nước nào cũng vậy, chỉ có thể làm cho người ta quý mến soạn giả mà thôi. Chưa từng ai làm quan vì văn chương kuông mà được. Song le, ông Trọng Khiêm là người khôn. Không những cái khôn tỏ ra trong văn chương mà thôi, ông còn khôn cả ở đời thực tế nữa. Hai cuốn chuyện về bộ K. A. L. S. ra đời rồi, đương lúc tiếng tăm lừng lẫy, ông Trọng Khiêm mon men cũng bàn đến chánh-trị. Cuốn « *Mặt nạ cộng-sản* » ra đời. Rồi thì người cùng dân cũng đọc, rồi thì các nhà cầm quyền soa tay bằng lòng, rồi thì quan phán nhảy một cái lên quan tri-châu.

Nếu cụ lớn Phạm-Quỳnh cho phép, tôi dám nói rằng dù không phát đến Thượng-thư, ông Trọng-Khiêm cũng đã biết thực hành đạo trung dung một cách khôn ngoan hơn cả cụ lớn đó. Là vì ông Trọng Khiêm, hễ cầm đến bút, chỉ có chữ người, không cần ca tụng công đức ai. Cuốn *Kim-Anh Lệ-Sử* đã lôi ra bao nhiêu mặt to tai nhớn của xã hội để... chát có một cái thì cuốn *Mặt nạ cộng sản* lại lôi cả những người cầm quyền của Liên bang Xô-viết ra chửi nữa. Không cần đến cái việc « lặc đĩnh trầm » mà cứ

việc trèo tuồn tuột lên thang công danh, mỗi khi nghĩ đến điều ấy, tôi lại thấy cái hứng muốn dùng ông Trọng Khiêm làm đề thần cho một cuốn sách đại đề là « *Gương làm quan* » chẳng hạn

...

Cách ngôn Pháp có câu « Văn tức là người ». Văn ông Trọng Khiêm đã tỏ ông là người cao thượng.

Vậy thì bây giờ ta nên tin ông Trọng-Khiêm là người cao thượng hay là người khôn ngoan mà thôi? Tôi muốn phán đoán, song le vì tin rằng người trí thức cũng đã có ý kiến rồi, mình đoán cũng bằng thừa mất! Điều này không phải bận tâm nữa rồi, ta vẫn còn phải nghi ngờ đến câu: « Văn là người » có đúng sự thực chẳng. Hay là cũng như cái ông thi-sĩ nổi tiếng kia, giữa khi phun châu nhả ngọc ra những giọng thương nước yêu nòi mà vẫn ham đi tìm thi vị ở trong sự ngủ với vợ bạn, té ra vẫn thanh mà người tục khác hẳn nhau? Nếu thế ai cũng nên hoài nghi, vì chỉ có Montaigne là khôn, còn loài người, ai cũng ngu dại cả.

Hoặc có kẻ nói: cuốn *Mặt nạ cộng sản* ra đời là một cử chỉ tỏ cái lòng thương nòi giống, muốn nói giống tình ngộ, không mắc cái họa đỏ, còn việc dịch-giả làm quan đối với sự xuất bản cuốn sách ấy, hai việc không có liên can gì với nhau. Quả vậy thì đó là điều đáng mừng cho riêng ông Trọng-Khiêm.

...

Đoạn cuối cuốn thứ hai của bộ *Kim-Anh Lệ-Sử* có chua rằng: chuyện còn dài, muốn biết đời Kim-Anh về sau ra sao, xin đọc cuốn thứ ba sẽ rõ.

Chuyện đã đến đoạn Kim Anh bỏ lữ sư hồ mang ra đi và đâm đầu xuống sông. Đọc giả vẫn bồi hồi... Tiếc rằng ông Trọng-Khiêm ngâm nàng Kim-Anh dưới sông lâu quá. Cuốn thứ ba chờ mãi cũng không thấy xuất bản.

Có người đồn rằng bây giờ tác giả bận việc quan. Nếu hoạn đồ có thể ngăn đường tiến thủ về văn chương, nếu ông Trọng Khiêm đã lái xe sang một con đường khác rồi thì cũng đáng thương thay cho cái dân này lắm!

Khốn nỗi lại có người phao tin rằng sở dĩ cuốn thứ ba không ra là vì văn ông T. K. đến cuốn ấy mất hay. « Kim Anh về sau lấy được một ông phán, rồi ông phán làm văn, rồi ông phán làm quan, rồi ông quan lại không làm văn nữa. Song ông quan ấy không như ông quan nòng đã lấy trước, nghĩa là không đem Kim Anh đến cho quan trên biết rõ những bộ phận kín đáo trong thân thể nàng ». Chuyện kết như thế thì không oai, song sợ nhát nên tác giả mới không hề nghĩ đến sự tiếp tục nữa.

Quan lớn Trọng Khiêm ơi! Nếu điều đó là thực thì chuyện kể cũng hay, xin quan lớn cứ cho nó ra đời cho trọn bộ, tôi xin sẵn lòng cổ động cho. Ngài nên biết rằng nhà văn hào thời làm văn hay bị quốc - dân trách.

Tá mỗ đã viết.

Sừ Quỳnh nay bụng đã đầy.

Kể đã lâu ngày vắng tiếng im hơi,

Nếu ông Trọng Khiêm đã quyết định bỏ cái làng văn sẵn vắng vẻ của chúng tôi, tôi cũng xin ca :

Sừ Ích nay bụng đã đầy.

Kể đã lâu ngày vắng tiếng im hơi,

« Mặt nạ cộng sản » ra đời.

Lời cuốn toi bời « Lệ-Sử Kim Anh »,

Sừ Ích nay đã hiển vinh,

Chỉ nghĩ đến mình, thầy kẻ trăm luân!

Oái ăm thay, nết nhà văn!

Liêm sỉ không cần, mặt nạ cứ đeo.

P. L.



THI THOAI



Muốn được một bài thơ, chưa nói đủ khiến cho đời truyền-tung, chỉ nói: sao cho đáng gọi là một bài thơ, trong chẳng những phải có một tư-tưởng gì cao-siêu có thể đem truyền-bá cho quốc-dân ta, ngoài ra lại còn phải:

I. — Tư lập cho hay

II. — Lời đặt cho cứng

III. — Câu đối cho chỉnh

IV. — Chữ sắp cho luyện

Xin lần lượt phô bày thiển-ý như sau:

Trước hết hãy nói:

I. — Tư lập thế nào cho hay?

Ví dụ: Trong bài « một mình chẳng thấy » của Trịnh-Cốc :

Trăng bên song xế người đầu tá

Gió cuốn diêm lên én lọt vào.

Canh khuya trăng đã xế bên song. Bóng người thường không thấy. Vậy mà phòng riêng vẫn dành vò-võ một mình ngồi. Bức diêm kia có cuốn lên chẳng, cũng chỉ do gió cuốn lên. Mà diêm gió cuốn lên thời cũng chỉ có con én lọt vào, nào phải ai khác!

Như vậy thật khéo tả ra một người hiền-phụ thủ-tiết với chồng. Tư lập đến thế là hay tuyệt!

Coi đó ta có thể kết luận rằng: Tư muốn lập cho hay, phải cho mới mẻ, cho đẹp-đẽ mặn-mà, cho hợp với đầu đề mới được.

II. — Lời đặt thế nào cho cứng?

Lời muốn đặt cho cứng có nhiều cách kể không xiết. Song đại-lược cũng:

a) Trong một bài thơ đừng dùng các chữ trùng-ý trùng-nghĩa nhau.

Ví dụ:

Hỡi con Ngọc-thỏ đã bao tuổi

Chớ chị Hằng-nga đã mấy con

"Đà" với "đã" chẳng phải là một ru? Vậy cải:

Hỡi con Ngọc-thỏ rày bao tuổi

Chớ chị Hằng-nga đã mấy con?

b) Văn phải gieo cho đích đáng, đừng ép uổng như lúc mới, tập làm thơ hay tập họa thơ. Ví dụ:

Người trong sáu giống năm châu cả

Ai cũng đầu đen máu đỏ thời

XEM TIẾP BÀI THI THOẠI Ở TRANG BÊN PHẢI

Mây câu đôi

Ở vùng Sơn-tây, tôi nghe thấy tường truyền rằng: một người đàn bà Việt-nam lấy chồng khách đã có con cái, khi chồng chết, có đến xin ông Cao-bá Đạt một câu đối để khóc chồng. Ông Đạt cho câu đối rằng:

KẾT PHÁT ĐÌNH NGÔ DUYÊN, THUY VỊ KIM TRIỀU HỒNG
BẮC KHỨ,
MANG TÂM CƯ KHÁCH ĐỊA, HU TA HÀ NHẬT NHẬN
NAM QUI.

Nghĩa là: kết tóc (nguyên trước khi chưa lập ra Trung-hoa dân-quốc, người Tàu dóc tóc thành đuôi sam) hẹn duyên ta, ai bảo sáng nay chim hồng về bắc; rồi lòng ở đất khách, than ôi! ngày nào chim nhận về Nam.

Ông Đạt làm xong rồi khoe ông Quát. Ông Quát bảo:

Hừ! đồ đàn bà, giở chữ ra làm gì với nó! Đề yên tôi làm câu đối nôm thôi. Ông nói thế rồi đọc luôn:

Xoắn đuôi chuột trở về với mẹ,
Híp miệng sò ở lại nuôi con.

Thế rồi, ông Đạt cũng bằng lòng cho câu đối ấy.

Một người anh con bác tôi, đã mất mấy năm nay, nguyên xưa tính ngông nghênh, có viết câu đối giằn công rằng:

Đội giời đập đất ở,
Vào luồn ra cúi mà.

Một người em con cậu tôi mới làm bài thơ tả người nghiện thuốc phiện, trong có câu đối rằng:

Nằm mùi tục vị đen sì miệng,
Nghe truyện thời đàm bẹp di tai.

Câu đối này không chắc đúng như thế, vì trong khi nghe nhiều truyện, tôi chỉ nhớ được đại ý thôi, rồi sắp sửa lại như vậy.

BÙI TIẾN-RÍNH.



(1) Mẹ đây có nghĩa là đất, ta thường nói: phụ thiên mẫu địa « cha là giời mẹ là đất ».

SÁCH BAO MỜI

Bản-chí vừa tiếp được:

1.) Quyền Sào-Nam văn tập của ông chủ hiệu Thanh-Thanh (Saigon) xuất bản. Quyền này gồm các thơ văn của cụ Phan-Bội-Châu từ khi về nước đến giờ. Cứ theo lời nhà xuất bản thì sau khi bán sách này được bao nhiêu, trừ vốn in rồi chia số lời hầu cụ để giúp vào sự sống của cụ.

Thơ văn cụ, chúng tôi không cần phải nói, chỉ xin giới thiệu cùng đọc-giả quyền sách này và mong các ngài biết đến cái tấm lòng vị nghĩa của ông chủ hiệu Thanh-Thanh; sách dày 114 trang. Giá bán 0\$50.

2.) Quyền Bờ suối (thơ tám chữ) của ông Thao-Thao, dày 32 trang in vào giấy sếp, khổ nhỏ. Giá bán 0\$20

3.) Quyền English méthode for annamese (sách dùng cho người mình học tiếng Anh) của ông Chodzko, giáo-sư chuyên dạy tiếng Anh ở phòng thương-mại Haiphong soạn. Sách ra từng số, quyền này là số 1. Giá bán 6 xu.

Bản-chí lại được tin rằng: đến ngày 4 Avril 1935 này tuần báo Đàn Văn sẽ xuất bản. Tòa báo ở số 6, phố Tô-Lịch — Hanoi,

và đến ngày 26 Mars 1935, ông Nguyễn-quốc Túy sẽ cho ra hằng ngày tờ báo « Ánh-Sáng » của ông mới được phép. Tòa báo ở số 83, phố Gia-Long — Hué.

Xin có lời chào mừng hai bạn mới.

Rồng lên mây

Maison Bá-Năng, blanchisserie
(Bacliêu) ở sau nhà thuốc Tây

Tiệm tôi có làm Đại-lý cao, đơn, hoàn, tán trên 20 hiệu của Annam Trung, Nam, Bắc, đủ thứ thuốc đối chứng và đồ nội hóa tạp vật, thơ, tuồng, truyện, sách có giá trị. Nhờ đồng bào xa gần chiếu cố đến, nay bốn hiệu thanh hành, thì chẳng khác chi Rồng lên mây.

Vậy thì cúi đầu bái tạ Đồng bào.

Bốn hiệu có nuôi giấm Annam, thiết trông trắng chưa hơn giấm tàu, bán giá rẻ, hợp vệ sanh.

NGUYỄN-BÁ-NĂNG

(Tiếp theo trang 3)

Chữ «thời» ép uổng làm sao! Đáng lẽ phải lấy chữ «mà» thay vào mới phải.

Ai cũng đều đen mặt đỏ mà!

c) Đừng nên dùng các chữ khiến-tự như «thì, mà, và, là, lại, cũng, với, cho, hay» v. v. nhiều quá, vì các chữ ấy thường làm cho lời thơ phải non. Nhất là đặt vào chữ thứ năm trong một câu thơ thì lời thơ bao giờ cũng đuối hẳn đi. Ví dụ:

Mấy phen vật đổi với sao dời,
Dầu đọng non xanh cùng biển tốt,
Tôi bời phần sáp lại hương hoa,
Si-lung ăm-á thì vinh hiển.

Cũng như:

«Mấy chữ gửi về cho cố hữu» thời non.
Nhưng nếu cải:

«Mấy chữ gửi về hầu cố hữu» thời cứng.
Vì chữ thứ năm trong một câu thơ phải là một tiếng động từ hay danh-từ mới cứng.

d) Lời thơ càng nục được bao nhiêu càng quý. Ví dụ:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương.
(BÀ HUYỆN THANH QUAN)
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước sông Hương.
(TẤN-QUANG VƯƠNG-THI)

Đó! trong phần nhiều rành là những chữ danh-từ không một chữ khiến-tự nào.

đ) Trong một câu thơ, nếu bên văn xuôi thời đáng lẽ phải dùng hai chữ khiến-tự, mà đây (trong câu thơ) mình chỉ nên dùng lấy một chữ còn một chữ thời cho nó lặn đi.

Như một hôm ông Đình-Thỉnh, bạn tôi, đến chơi nhà. Tôi theo bạn xin thuốc hút. Bạn cười rằng: «Thi-sĩ xin thuốc» rồi bảo tôi lấy 4 chữ «thi sĩ xin thuốc» làm đầu đề vịnh thành một bài tuyệt cú. Tôi vâng lời, có vịnh:

Một bầu lòng gấm thiếu chi thi,
Chăm thuốc đem đây để đọc nghe.
Người nay thời thuốc, người xưa rượu,
Cứ mỗi bài thi rượu mỗi ve.

Ta thấy câu «người nay thời thuốc, người xưa rượu» đáng lẽ bên văn xuôi thời phải nói: «người nay thời thuốc, người xưa thời rượu». Vậy mà chỉ đặt: «người nay thời thuốc, người xưa rượu» nhờ lặn đi một chữ «thời» mà có kẻ phê-bình

bảo là mạnh lắm. Duy một vài em trẻ theo học thơ với tôi thời lại hỏi rằng: sao chẳng nói:

«Người nay thời thuốc, xưa thời rượu»?

Tôi đáp: lặn tiếng khiến-tự đi, sao lại lặn tiếng danh từ? Vì để càng nhiều danh từ bao nhiêu càng làm cho lời thơ nục như đã nói trên.

e) Sau một câu thơ nên để có chút dư-ý. Như ông Tấn-dà Nguyễn-khắc-Hiếu có câu:

Văn vận nước nhà đương buổi mới,
Như giăng mới mọc tờ còn chơi!

(CÒN CHƠI)

g) Trong một câu thơ, lời thơ phải giống nhau. Như đặt: Những lúc canh khuya lời ngẫu-ngự, Chưa bằng: Những lúc thâm tiêu lời ngẫu-ngự, để cho «lúc thâm tiêu» giống với «lời ngẫu-ngự» Khác nào:

Rắp mượn điền viên vui tuổi nguyệt,
Lỡ đem thân thể hẹn tang bồng.

(NGUYỄN-CÔNG TRỨ)

«mượn điền viên» giống với «vui tuổi nguyệt» «đem thân thể» giống với «hẹn tang bồng».

Trời chiều bằng lăng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa tiếng trống giồng.

(BÀ HUYỆN THANH-QUAN)

«Tiếng ốc đưa» giống với «tiếng trống giồng»

h) Nên đặt sao cho như lời người ta nói tắt nói vội vàng. Như trong bài «Tặng bạn T. Đ.» đăng trong Văn-Học số 43, ông Ngô-văn-Triệu có câu:

Bạn ta nên đặt-quan,

Cứ việc ngâm thơ khỏe!

Ông Ngô-bằng-Giục trong cuốn «Thời-hài» cũng có câu:

Thôi thôi tạm để con nhà vậy,

Vả người xưa như Bà Đoàn-thị-Điễm cũng:

Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.

(CHÍNH PHỤ NGÂM)

Cô Hồ-Xuân-Hương thì:

Nỗi này vì biết đường này nhé,

Thời trước thôi đành ở vậy xong.

Lọ đầu xa, dở ngay Văn-Học tạp-chí số 68, ở bài «dịch thơ ngoại quốc nên như thế nào» của ông Bùi-tiến-Rĩnh ta sẽ thấy câu: «... Chẳng qua dùng chữ Hâte cốt để cho vận với chữ «Pâte» (rén) là ... chữ Pâte ở trên.

Ô! Văn xuôi viết như vậy cũng cứng lắm thay huống là văn vận!

i) Nên biết phép đảo ngược lời văn. Như:

*Lầu son đỏ hoét lum-xum nóc,
Ghềnh đá xanh rì lún phún rêu.*

(HỒ-XUÂN-HƯƠNG)

là lầu son đỏ hoét nóc lum-xum, ghềnh đá xanh rì rêu lún phún.

Cái đó ông Lê trảng Kiều đã nói trong mục Thi thoại ở Văn-Học tạp chí số 62, và ngỏ lời khuyên các nhà Sơ học nên để ý đến.

k) Còn một lẽ này cũng làm cho câu thơ già dặn lắm, Là trong một câu thơ chữ thứ sáu hay là chữ thứ năm là danh từ mà chữ thứ bảy là động từ trợ từ hay trạng từ.

Ví dụ: *Năm xương dưới đất ôm lòng khóc,
Hồn máu trên tay mím miệng cười.*

(VÔ DANH THỊ)

*Gần trời có lúc ôm trời đứng,
Vào đất ghe phen đội đất lên.*

(PHAN SÀO NAM)

*Như in thảo-mộc trời nam lại,
Đem cả sơn-hà đất bắc sang.*

(QUYÊN NHƯ THI TẬP)

III. — Câu đối thể nào cho chỉnh?

Muốn đối cho chỉnh thời như tiếng đơn phải đối với tiếng đơn, tiếng kép phải đối với tiếng kép. Điều ấy ai cũng đã biết tưởng không phải nói nữa nhảm. Riêng với các anh em chị em mới bắt đầu làm thơ tôi muốn thưa thêm:

Đối chữ sát vần hay song chưa bằng đối tiếng. Như lượng vàng đối với đồng bạc: đối chữ; vôi vàng đối với bội bạc: đối tiếng. Nay câu của cụ Thủ khoa Trần tấn Ích, người Thổ Ngao, Quảng Trạch, Quảng Bình, vịnh lúc cụ làm Tế-ửu ở trường Quốc tử giám (Huế) rắp thôi quan về:

*Nhà ngang Quốc - tử quên chăm sóc,
Cửa sổ Hy hoàng nhớ ngủ nghe!*

Nhà đối cửa, quên đối nhớ: đối chữ.

Ngang đối sổ, sóc đối nghe: đối tiếng.

Còn tử đối hoàng thời cả đối tiếng đối chữ (hoàng là vua đối với tử là con; tử là tia đối với hoàng là vàng).

Bây giờ: *Dễ gọi người nằm thiên cổ dậy,*

Sương chùm cảnh đứng tứ canh đi.

(ÔN NHƯ HẦU)

Đọc câu ấy ta lại còn thấy được một cách đối khác là tuyệt trên chữ « nằm » ngó với chữ « dậy » đối với tuyệt dưới chữ « đứng » ngó với chữ « đi ».

Cũng như trong bài « Bước Đường lưu lạc » của tôi:

*Tắm thân lưu-lạc nghĩ mà đau,
Như cánh bèo trên mặt biển dàu.*

*Sóng gió dàu khôn chìm nổi được (1),
Bến bờ trông biết ở về dàu.*

(NGÃU-NHĨ-THÀNH)

Trong câu thiết, tuyệt dưới « ở » ngó với « về » đối với tuyệt trên « chìm » ngó với « nổi ».

Cũng như trong một bài văn tôi làm hộ cho một người Thừa-phái khóc mẹ:

... « Vậy dám gạt đôi dòng hoa-lệ, để ra công giúp nước-non nhà;

« Vi đánh ôm mãi mỗi thương tình, sao phải nghĩa làm con cái mẹ, »

« Con cái mẹ » « con » ngó với « mẹ », đối với « nước non nhà », « nước » ngó với « nhà ». Và lại « nghĩa » ngó với « tình », « công » ngó với « lệ » (lệ-đồng-âm với lệ là bộ lệ).

Nói những cái tỉ mỉ như vậy không khỏi khiến cho lắm nhà « thơ mới » cười là hủ. Thì thế! Tôi vốn về phái « thơ cũ » mà!

IV. — Chữ sắp thể nào cho luyện?

Trong thi-luật đã nói: một câu thơ (thơ thất-ngôn) chữ thứ hai trắc, chữ thứ ba phải bằng, nếu cũng trắc thời khổ-độc. Vậy sao câu đây đọc lên nghe vẫn êm tai? :

*Man-mát nhị vàng xen nhị trắng,
Phất phơ cánh biếc tựa cánh hồng.*

(Nİ TẦN THI-TẬP)

— Theo ý tôi, chữ thứ hai và chữ thứ ba cùng trắc cả cũng được, miễn rằng phải khác dấu nhau: Chữ thứ ba dấu hỏi thời chữ thứ hai phải dấu nặng, hay dấu sắc, chữ thứ hai dấu sắc thời chữ thứ ba phải dấu nặng hay dấu hỏi, v.v.

Nếu cả hai chữ một dấu như câu thơ của tôi sau này mới khó nghe cho:

*Ấu lầy tắm thân tu Phật quách,
Phó cho sự thể mặc trời coi.*

Vậy phải chữa lại:

*Ấu để tắm thân tu Phật quách,
Phó cho sự thể mặc trời coi.*

Thế nhưng như câu:

*Ngào-ngạt tin xuân hoa đón cửa,
chẳng phải là đúng luật làm ru? Sao nghe vẫn
không lấy gì làm nhịp nhàng? Trái lại:*

*Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.*

(BÀ HUYỆN THANH-QUAN)

sao nghe nhịp nhàng như vậy?

— Vì có chữ cùng một vần với nhau. Quốc một vần với nước, gia một vần với nhà. Cũng như:

Vút bút lông đi, nhắc bút chì.

(TRẦN-KẾ-XƯƠNG)

— Vậy thời câu này vì sao cũng nhịp nhàng thay:

*Đương cơn khổ-nhục lắm người khinh,
Hề vốn làm người nhục có vinh.*

(NGUYỄN CÔNG-TRỨ)

— Vì có chữ cùng một phần đầu với nhau. Khổ cùng một phần đầu với khinh, Vốn cùng một phần đầu với vinh.

Cũng như: *Đầu trò tiếp khách trầu không có,*

(YÊN ĐỒ)

— Vậy thời:

*Bốn phương tri-kỷ là ai tá,
Đánh tiếng cho ta biết lối tìm.*

(N. V. Đ.)

Câu ấy thế nào?

— Nhịp nhàng lắm! Vì có chữ cùng một phần cuối với nhau. « Là » « tá » « ta » cùng một phần cuối « a » với nhau. Cũng như:

Mỗi gói chồn chân vẫn muốn trèo.

(XUÂN-HƯƠNG)

— Rất phải! đó là những cái đặc tính của những câu thơ đọc lên nhịp-nhàng như một cung đàn vậy. Hay trích thêm ra sau đây một bài đủ các đặc tính kể trên để đọc giả thưởng thức:

*Giời đất đâu mà mãi rửa ru?
Xin tha nhau với chó trêu nhau,
Bề đào xông-xổ dầu tắm cá,
Mặt nước mông mênh mặc sức bèo.
Đã góm hôi tay chũ chẳng bắt,
Mấy trò liếm mặt chó không trêu.
Quản bao miệng thể lời khôn đại,
Đại trước khôn thời để lại sau.*

(NGUYỄN-CÔNG-TRỨ)

Nhân trích ra bài thơ ấy mà tôi bỗng nhớ lại một điều trên kia tôi quên nói mà cũng làm cho câu thơ không phải ít nhịp nhàng là:

Phàm khi chữ thứ hai hay chữ thứ tư trong một câu thơ dưới cùng một vần, nghĩa là hưởng vận với câu thơ nằm kề trên. Nào ta hãy cùng đọc lại bài thơ của cụ Nguyễn công Trứ vừa rồi xem:

*Giời đất đâu mà mãi rửa ru?
Xin tha nhau với chó trêu nhau.*

Bề đào

đấy! « đào » hưởng vận với « nhau ». Ta đọc tiếp:

*Bề đào xông xổ dầu tắm cá,
Mặt nước mông mênh mặc sức bèo.
Đã góm hôi tay chũ chẳng bắt,
Mấy trò liếm mặt*

đấy! « mặt » hưởng-vận với « bắt ». Nghe có nhịp-nhàng không?

Lời thơ nhịp-nhàng còn mấy lẽ này tưởng cũng nên kể cho hết:

1) Chữ đầu ở tuyệt sau hưởng-vận với chữ cuối ở tuyệt trước.

Ví dụ:

*Một chắc Tiếng Dân trơ trọi đấy,
Mấy năm đất Huế chuyên trò ai.*

(HUỖNH THỨC KHÁNG)

2) Chữ thứ tư và chữ thứ 5 trong một câu thơ hưởng vận nhau.

Ví dụ:

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa,

(BÀ HUYỆN THANH-QUAN)

nói tóm lại, các « ca » làm cho lời thơ nhịp-nhàng ấy, hề ai làm thơ đã luyện thời tự nhiên gặp, không phải ngồi mà sắp được.

Đọc giả! Đến đây, tôi đã sắp phải để chỗ cho kẻ khác đăng lần lượt theo hầu đọc-giả. Vậy xin với vĩ kính cáo đọc-giả biết rằng những điều nói trên đều nhân nhớ đâu nói đấy, không có n hĩ trước, tựa trung tất còn lắm chỗ khuyết điểm, Vậy sự bỏ cửu đành nhờ vào đọc-giả.

Chu-Son NGUYỄN-VĂN-ĐỀ

1) Khôn chìm nổi được là khôn làm chìm đi được



6\$ THUẾ THÂN

Tiếng dế nỉ non, giọng gà xao xác, mưa sa lác đác, gió thổi vì vù, một bầu trời đất tối tăm muôn dặm cỏ cây mù mịt.—

Vào khoảng 4 giờ khuya, là giờ của những trang phong lưu đài-các, cùng những bậc quyền quý cao sang, đang say giấc mộng xuân trên giường sắt đệm bông, gối êm mềm ấm, thẽ mà trong một cái nhà lá 2 căn, cột xà xiêu xọ, vách lá rả rời, một người thiếu phụ trạc độ 30, đang cúi húi dưới bếp, tay bồng con, tay đun lửa trên lò bắc một ấm nước, bên hông lò vẫn một om cơm.— Một chập, nước sôi lên hơi nghi ngút, nàng mới cầm cây đèn hoa kỳ leo lét dầu sắp cạn khô, thêm ngọn gió thổi lò, cháy lúc mờ lúc tỏ, nàng quay lưng đi nhẹ nhẹ lên nhà trên để ngọn đèn trên một cái bàn cây khấp khểnh hình như nó cũng không đủ bộ phận mà đứng cho được vững vàng.

Nhờ ánh sáng mập mờ của ngọn đèn mà ta thấy được; về phía bên tả, trên một cái vồng rách một bà già đang ngồi chống hai tay lên chân mà rên hừ hừ, thỉnh thoảng lại nghe tiếng ho khúc khắc.— Bên hữu, trên một cái giường tre, một chàng thanh niên đang nằm chèo queo, dẫu hai tay vô bụng ngủ ngáy khò khò, kề bên chàng lại có một đứa con gái 3 tuổi nằm chui đầu vào ngực chàng kia mà ngủ, trên mình có đắp nửa manh chiếu rách hỏ cả hai chân.

Chập sau, thiếu phụ chế xong bình nước để trên bàn, rồi bước lại chỗ vồng kêu: « má ơi, nước con chế rồi, má hãy giậy uống một chén cho nó bớt ho... ».

Bà già ngược mặt lên ngó nàng kia rồi lắc đầu mà đáp giọng mệt nhọc rằng: « Hồ hôm giờ sao má nặng cái đầu quá, đi không nổi nữa: vậy con rót đem lại dùm cho má một chén má uống coi nó có đỡ không? » Nàng vâng lời bước lại ghé, rót một chén nước đem lại vồng trao cho bà lão.— Bà lão tiếp lấy chén nước vừa thổi vừa uống một hơi coi bộ ngon lành, đoạn trao chén không cho người thiếu phụ và nói rằng: « Gà gáy rộ này giờ sao con không kêu thẳng Thanh (chồng của người thiếu phụ) dặng nó có đi làm kéo trẽ-nải đây rồi tây-tà nó làm khó làm dễ mà mắt sờ đa ».

Chị Thanh (người thiếu phụ) bước lại giường, lay chân anh Thanh kêu rằng: « Sáng rồi, mình giậy sửa soạn đi làm ». Anh Thanh ư ư vài tiếng, lăn qua lăn lại vài lần rồi lại nghe ngáy: chị Thanh phải lấy tay vỗ trên mình mà kêu nữa, bấy giờ anh Thanh mới rung vai nghe xương kêu rắc rắc, rồi vọt ngồi giậy gợn gàng làm cho cái giường xệu xạo gần muốn sập.

Chị Thanh lấy tay vuốt tóc cho chồng và nói rằng:

« Ac hôn nết ngủ gì mà cộc cằn như cộp, mình giậy mười lần nữa ắt là cái giường phải đi đời nhà ma đa ».

Bà lão cũng nói: « Con một ngày một lớn phải tập bữa ăn giấc ngủ có chừng, cho biết chim kêu gà gáy, phải con vợ mày nó cũng như mày, đây rồi đến chừng tao chết, làm sao mà làm ăn với người ta ».

Anh Thanh ngồi dụi mắt một hồi, đoạn ngáp dài một hơi rồi sẽ nói: « Hôm qua bị thầy đội đánh đau quá, mình mấy đau như dần nên đêm nay nằm mê mê ».

Nghe anh Thanh nói như vậy bà lão ngó con, lắc đầu không nói tiếng chi nữa, còn chị Thanh thì nhìn chồng một cách đau đớn, đôi mắt rơm rớm giọt lệ xong chị ta không muốn bày cái cảnh trạng thương tâm trước mặt chồng làm cho chàng phải nỡ gan sốt ruột, nên chị quay lưng vào bóng tối kéo vạt áo lau cho ráo nước mắt rồi mới dám ngó ra.

Than ôi, mẹ thương con, vợ thương chồng, nghe anh Thanh than cực khổ, má hai cái tấm lòng kia xót xa đau đớn vô ngần muốn cho anh Thanh nghỉ làm ngày xong cái nghèo kia nó cứ lần quất bên mình thì làm sao.

Ngồi một hồi định tĩnh tâm thần, anh Thanh giở gói thuốc lá ra mót thuốc nát vắn một điếu, kê vào ngọn đèn, đốt hút vài hơi, xỏ cửa bước ra sân dòm trời một hồi, rồi bước vô lấy chén rót nước uống và nói rằng: « trời chưa rạng đông mà, phải để ngủ một chút nữa cho khỏe ». Bà lão nói: « Tao nghe gà gáy tao tưởng sáng nên tao ».

NĂM 1934

bảo vợ mày nó kêu mày giậy đó đa, mày ngủ thêm một chút nữa thì mập béo gì, phải tập thức sớm cho quen». Kể chị Thanh bồng thằng nhỏ lại trao cho anh mà rằng: « Ba nó bồng dùm em một chút, tôi đi đỡ cơm và nướng mẳm ». Anh Thanh với tay bồng thằng nhỏ chia vô đèn, nó thấy đèn sáng thì ham nên tay chân đập lia, miệng lại tùm tùm cười.

Một chập sau, chị Thanh đỡ cơm vào nả, trên có đề một con mẳm nướng chín rồi, chị lấy lá chuối đây lại tử tế đoạn xách lại đề trên ghế. Anh Thanh trao thằng nhỏ cho chị rồi hỏi vợ rằng: « - Tuần lĩnh tiền tôi đem về cho mình 4\$00, hôm xài hết bao nhiêu còn bao nhiêu đưa đây cho tôi đăng trưạ tôi lại nha lang đóng bớt tiền thuế thân, được đồng nào hay đồng này, kéo đề đóng một lần đâu có đủ, hôm rày tôi nghe đồn lĩnh ma-tà đi ráo khắp các làng kiếm bắt thuế thân dữ lắm, cho nên thà mình đóng được chút ít lãnh biên lai tạm, các cậu có hỏi mình trình ra cũng dễ năn nỉ hơn là không.

Chị Thanh đang ngồi cạnh giường vén áo cho con bú, nghe chồng hỏi như vậy thì chị đáp xuôi rằng: « Còn có bốn cắt bạc mà đóng giống gì ».

Anh Thanh nghe vợ đáp thì ra giáng ngằn ngơ một hồi rồi hỏi rằng sai gì dữ vậy » - Chị Thanh đáp:

« Thì hôm trước mình nói lãnh được 5\$00, cho thầy đội

một đồng còn 4\$00, mình đưa cho tôi cắt, rồi kể trưạ lại chú cai ghé, mình bảo tôi mua 1 nhạo rượu-kế, một cắt cho chú uống, sau mình bảo tôi đưa cho chú 4 cắt nữa, mình nói lo cho chú đăng chú đặt công làm nhẹ nhẹ hơn họ. — Còn lại ba đồng rưỡi, hôm kia trả tiền 3 thùng lúa hết 1 đồng một (mua chịu nên tính mẳm) tiền nước mẳm, muối, dầu lửa 1 tháng này hết bốn cắt, trả tiền thuốc giấy hộp quẹt cho mình hết năm cắt, hôm qua mua hết hai cắt mẳm khô để đem cơm cho mình thì cộng hết thấy là 2\$20 còn 1 đồng ba, hôm nay má ho giữ quá và hay mệt, tôi nói đề rước thầy bốc thuốc uống, má không thuận, hôm nay uống thuốc viên gởi họ mua ngoài chợ mỗi viên năm xu, má uống hết 18 viên là chín cắt thì mình tính thử coi ấy là tôi không dám ăn một miếng trầu, sắp nhỏ không ăn 1 xu bánh nữa đa mình ».

Anh Thanh nghe vợ tính tiêu tính ớt một hồi, anh ta tuy biết vợ không có xài bậy một xu nào song anh ta cũng ngồi thở ra, gãi đầu cào má ra giáng người thất vọng mà than rằng: « trời ôi, nếu như vậy thì biết tháng nào đóng cho nổi đầu thuế năm nay : » — Anh ta than rồi, ngồi nhìn vào ngọn đèn, sắc mặt ra chiều buồn bã. Ôi một tháng công làm thân trâu ngựa mỗi mề xác thịt lẫn tình thân, tiện lần hết sức còn được 0\$40 còn thuế thân 6\$00 kia thì

làm thế nào ?

Lúc này cái quang cảnh nhà anh Thanh lặng ngắt đến nỗi con thằn lằn tắc lưỡi nghe cũng rõ ràng. — Bà lão, anh Thanh, chị Thanh mỗi người tuy có lòng dạ riêng, mà cũng đều lo lắng âu sầu một việc như nhau chẳng khác.

Anh Thanh đang ngồi khoanh tay lo rầu, bỗng đâu 1 luồng gió nưong theo vách trống thổi vào lạnh mình rớn óc, anh ta nhớ đến sự nhà cửa phải lo sửa lại nội mùa này. — tiền đâu mà mua nữa mua lá. —

Con nhỏ 3 tuổi của anh đang ngủ trên giường bị luồng gió ấy làm cho tốc mạnh chiều, cái bụng trơ trơ vì cái áo của nó rách nhiều chỗ làm cho nó phải phát rét; anh Thanh lật đật chạy lại kéo chiếu đắp cho con rồi thoát nhớ tới sự con rách rưới lạnh lẽo như vậy — ôi, tiền đâu mà sắm quần sắm áo cho con ?

Anh ủ cho con vừa xong kể lại thấy mẹ già chống tay lên trán ho một chập coi bộ khó nhọc quá, đoạn bà ngồi thở giốc, anh ta lại nhớ đến nỗi mẹ đau tiền đâu mà chạy thuốc ?

Than ôi, — một ngày làm mưon tính lại không dư hơn một đồng xu rồi lớp nào: Mẹ đau, con lạnh, nhà xiêu, ngoài ba điều ấy lại còn 6\$00 thuế thân, không biết ngày nào anh lại vào khám ?

Chị Thanh thấy tình cảnh của chồng như vậy, chị muốn kiểm
(Xem tiếp trang 13)

VAN THO

TẶNG BẠN

Một giây thanh khí buộc cùng nhau,
 Gió Nhị trắng Nùng trái mấy lâu.
 Thời thế lung tung trò vạn-quốc,
 Văn chương được hồng chuyện ngàn thu.
 Đàm tâm khẩn khoản tình gia quốc,
 Khoác cánh đi về cửa Lê-Châu.
 Gắng giữ cũi tâm cầm thú dục (1),
 Giồng nên nhị Á ghép hoa Âu.

TUYẾT-HUY

ĐÊM BUỒN

Chợt thức đêm khuya mở cửa nhìn,
 Thềm khuya vắng vặc bóng giăng in.
 Vắng tanh hàng phố năm canh mộng,
 Xanh ngắt buồng văn một ngọn đèn.
 Sốt ruột hồi chuông người tỉnh trước,
 Bực mình tiếng ngáy khách nằm bên.
 Nghe gà toan tuốt thanh gươm dấy,
 Tức nổi nghề tay múa chữa quen.

NHƯƠNG-TỔNG

CÁI BẢNG ĐEN

Vài ba mảnh ván ghép thành ra...
 Ngoài phủ sơn đen khéo khéo là...
 Phấn viết viết luôn mà chẳng chuyển,
 Khăn lau lau mãi vẫn không nhòa.
 Bao năm giúp ích nền tân-học,
 Mấy độ phò-bầy cách giáo khoa.
 Trên giá ung-dung ngồi chễm-chệ,
 Học-trò cả lớp ngắm vào ta.

1) Cái tình dục của người ta ví như con thú dữ, lúc nào nó cũng chỉ chực tung tứ lăm càn, người ta phải cần giữ lương - tâm mình như cái cũi để cầm nó lại. (câu này thường nói với nhau).

SỰ HỌC QUỐC - NGỮ

MƯỜU

Quốc-văn nên học cho thông,
 Quốc-hoa, quốc túy ở trong đó mà...
 Ta nay phải biết lo-xa,
 Người Nam chớ rẻ tiếng nhà Việt-Nam.

NÓI

Quốc-văn quốc-ngữ,
 Tuy nôm-na, nhưng là chữ nước nhà.
 Người ta nên học chữ của ta,
 Học như thế mới là không quên gốc.
 Chữ Pháp vẫn đành nay phải học,
 Tiếng ta tuy vậy chớ nên quên.
 Nữa một mai học mãi rồi quen,
 Văn quốc-ngữ sẽ trở nên đặc-sắc.
 Hãy đọc thử cổ-kim các sách,
 Cũng văn-chương cốt-cách kém gì đâu.
 Ai ơi, luyện-tập mau-mau.

Thiện-dân NGUYỄN ĐỨC-BẢO

XUÂN SANG NHỚ NGƯỜI

Mỗi đến xuân sang lại nhớ người,
 Người xa xa tít một phương trời.
 Biên Nam chưa lặn tấm kính ngạc,
 Hồn mộng tìm nhau vượt biển khơi.

TRÚC-KHÊ

VIẾNG MẸ BẠN

Với lệnh lang cùng chi nghiệp, cùng hoạn nạn,
 trong mấy mươi năm vàng đá một lòng, nghĩa
 giáo hân là nhờ sức mẹ.
 Hầu tôn - từ khi Hanoi, khi Haiphong, từng
 năm bảy thuở sớm hôm thay bạn, tang ma
 cảm nỗi cách phương trời.

KHÓC MỘT NGƯỜI BẠN

Đâu chẳng là nhà, chết thế lại càng không
 bạn bậu,
 Vội chi bỏ bạn, sống thừa thêm mãi nỗi
 cay chua.

T. H.

🌀 Kỳ này có kèm phụ - trương về Thế - giới ngữ số 4 🌀
 gửi biểu các bạn mua năm giả tiền rồi — bán lẻ mỗi số 5 xu

MỘT ÁNG VĂN CỦA CỤ PHAN - THANH - GIẢN

TẬP « TÂY - PHÙ NHẬT - KÝ »

Năm Tự-đức thứ mười sáu (1863) ông Phan - thanh - Giản được lệnh vua sai đi xứ bên Pháp để thương nghị về việc chuộc ba tỉnh phía Đông xứ Nam-kỳ; nhân cuộc sang xứ đó ông có làm một bài hành-trình «Nư tây» bằng chữ Hán, kỹ thuật lại những điều nghe thấy từ khi xuống tàu lìa bến Cần-giờ cho tới lúc ở nước Y-pha-Nho. Không rõ ông viết tập văn về năm nào, song cứ theo lời nhiều người nói lại và cứ xem hai câu nói trang đầu: «Thừa nhân cất bút chép chơi, Tây-phù nhật-ký mấy lời ghi ra» thì biết rằng tập văn làm ra trong lúc ông ở Vĩnh long, lĩnh chức Kinh-lược Đại-thần, với nhiều bài thơ khác (tập Lương-Khê thi-thảo), vì chỉ có trong thời gian ấy, ông được rảnh rang một ít lúc mà thôi.

Sau khi ông qua đời, ông Tôn-thọ-Tường đem dịch ra quốc-văn nhan là «Tây-phù nhật-ký» nhờ vậy mà tập văn chẳng bao lâu phổ cập trong nước, nhiều người được biết.

Tập văn đại khái có thể chia ra làm ba đoạn, đoạn đầu nói về lúc đi đường biển, thăm nước Ai-cập và Alexandrie được các quan ở đấy tiếp rước trọng đãi, đoạn kế nói về lúc tới thành Toulon, xem diễn binh, ở Marseille xem hát và lúc ở

Paris, dạo chơi nơi vườn Luxembourg và rừng Boulogne, đi coi diễn kịch, có một người đàn bà Annam là Thị-Liên, tuổi đã hơn tám mươi, có chồng người Tây, trú ngụ ở Paris lâu năm, nghe tiếng ông Phan-thanh-Giản, dặt một người con trai và một người con gái đến mừng ông và hỏi thăm quê hương xứ sở; đoạn chót nói về lúc ở nước Y-pha-Nho, được nhiều người tỏ tình kính trọng.

Đến một nước nào, tới một hải-cảng nào, ông dùng ngọn bút mô tả ra rất rõ ràng, tựa như đem những cảnh vật ấy bày biện ở trước mắt người đọc, cứ xem cách viết văn của ông như thế thời thấy ông thông hiểu nhiều địa dư, quan sát tường tận và chẳng những là một nhà văn-sĩ hiếm có mà thôi, lại là một tay danh họa tài tình nữa.

Ông làm quan, gặp phải hồi quốc biến dân nguy, trăm họ không an, ruộng đất bỏ hoang, trăm nghề bỏ tiể, lòng những lo cứu nước giúp đời, nay nhân dịp đi xa, ông định nghe thấy cho tường, để tìm phương giải nguy cho nước.

. . . nên chỉ khi đến đâu, ông xem xét chú trọng về cái tình cảnh; kế sanh hoạt của dân và cách cai-trị ở đấy hơn là ngắm xem phong cảnh cây cỏ núi non,

Thấy ở Singapour :

Thông thương các nước lại qua,
Phổ phưởng buôn bán rất là
nên đông.

Nẻo đường ngang dọc đều thông;
Dập dìu xe ngựa ruổi dong cả
ngày.

Phổ nghề các vật đủ đầy,
Chợ thì buôn bán liền ngày
không tan.

Ở đất Ai-cập thì :

. . . Kể qua người lại lao xao
dập dìu.

Dân cư nhà cửa cũng nhiều,
Thuyền xe cũng có, ngư tiêu
cũng đông.

Ruộng cấy chẳng chỗ nào không

Mà ông những ao ước nước
Annam được có cảnh như thế.

Cách viết văn tả cảnh của ông cũng khéo vô cùng. Phàm trong khi tả cảnh, muốn cho cái cảnh mình muốn vẽ nó nổi lên, không cứ ghi lấy cả những điều nghe thấy, chép cả những cái tỉ mỉ vụn vặt cho đúng sự thực, mà cốt phải biết chọn lựa những điều gì nên nói cho hợp cảnh Ông Phan - thanh - Giản nghe rộng thấy nhiều, lại khéo chọn lựa, thành ra cảnh ông vẽ chỉ vắn tắt độ vài câu thể mà đầy đủ rõ ràng và hoạt động biết bao nhiêu.

Một nhà bình phẩm văn chương người Pháp có nói : « Nhà làm văn Annam ít hay tả cảnh, mà

có tả thì tả một cách mơ màng như cảnh trong mộng». Thật như thế, cảnh của phần nhiều người mình tô điểm trên mảnh giấy trắng sờ dĩ « mơ màng như cảnh trong mộng » một là tại nhà làm văn không chịu xem xét kỹ càng, hai là vì tính lười biếng, không cố công chịu khó, cảnh ở đâu, cảnh mùa nào cũng lặp đi lặp lại những câu sáo cũ như : « trời trong gió mát... trên cây chim kêu lanh lảnh, dưới sông cá lội vờn vờ » cùng là « sóng Hồng lặng gió, thỏ ngọc ngâm sương... hương quế mây đưa, lá vàng gió rụng » hay « trắng suốt bầu trời, sáng in cỏi đất » đọc lên nghe êm tai dẻo dặt vô cùng, mà thật không thể hình dung được. Văn tả cảnh viết cốt sao cho rành rõ, có thứ tự, mỗi vật phải cho nó một chỗ phân biệt, xin đem một câu ca dao mà ai cũng biết ra làm thí dụ :

*Nhà tôi ở trước đám dâu,
Ở sau đám dâu, đầu cầu ngó qua.*

Tưởng không có cách nói nào khác mà rành rẽ tỏ rõ bằng. Trong tập « Tây-phù-nhật-ký » có nhiều đoạn tả cảnh chẳng kém gì câu ca dao trên đây, lắm khi rành rẽ rõ ràng chẳng khác nào lời của một nhà viết địa - dư vậy.

Không những về văn tả cảnh, ông lại có biệt tài về lối tả người và tả thú vật, như tả cách ăn mặc của người Ai-cập lúc bấy giờ thì :
*Mũ điều khăn trắng ấy là đàn ông
Áo xanh tay lại rộng thùng,
Quần thời không ống bít bùng*
trước sau.

*Đàn bà khăn bít trùm đầu,
Chừa hai con mắt mắt hầu thấy*
chi.

Theo mấy câu này, một nhà họa sĩ có thể vẽ nên một bức tranh

hoàn toàn ; vì tác giả không những nói áo quần rộng hẹp dài ngắn (tay rộng, quần không ống, bít bùng trước sau) và khăn bít trùm cả đầu và mặt chỉ chừa hai con mắt mà thôi lại nói luôn cả màu áo màu khăn (áo xanh, quần trắng) nữa, xem thế thấy tác giả rất có công quan sát vậy.

Tả thú vật như tả con lạc đà thì :
Đầu dê cổ ngỗng dị thường,

Trón khum tai nhỏ cao đường
loài voi.

Ông không tả đầu con lạc đà ra thế nào, cổ nó dài bao nhiêu, vóc nó cao mấy thước, ông lại dùng lối văn so sánh ông sánh đầu nó với đầu con dê, cổ nó dài như cổ con ngỗng, đối với thân mình và vóc nó cao như loài voi. Dê, ngỗng, voi ba con thú ấy hồ dễ không mấy người mình mà không biết đến, thế thì ai đọc câu văn cũng có thể tưởng tượng được con lạc đà ở Châu Phi, nếu ông dùng văn thường mà nói thì tất không được văn tắt gọn gàng và nổi cho bằng lối so sánh. Lối văn này là một lối rất cần dùng trong khi viết văn, nhất là văn tả cảnh và tả người, nhưng phải biết chọn lựa tìm tòi những vật mà ai cũng biết và cho giống với vật mình muốn tả ra.

Như có người mình đem nước da của người đàn bà mà nói : « trắng như tuyết », người đọc ở một xứ nóng nực gần đường xích - đạo này chưa từng thấy tuyết bao giờ, thì làm sao hình dung ra được, màu da như vậy so sánh phỏng chẳng có ích chi? Lại gần đây, nhân xem trong một bài báo, thấy câu như vậy « Ông Nguyễn... người thấp như ông Chiappe, chủ sở cảnh sát ở Paris ». Thử hỏi... Annam có mấy người được cái hân hạnh

biết mặt biết người ông Chiappe vậy thì so sánh mà cũng như không so sánh, câu văn tất không có giá trị gì cả.

Về văn chương, cách đặt đề tập « Tây-phù-nhật-ký » có nhiều vẻ đặc sắc. Văn viết rất dễ dàng giản dị, cứ theo bản dịch của ông Tôn thọ Tường thì dầu người dốt nát nghe đọc cũng hiểu, cũng lĩnh hội được ý của tác giả.

Làm văn cốt phải văn tắt, dùng ít chữ để nói nhiều ý, văn chương ngắn mà bao quát nhiều tư tưởng, thế là văn hay. Văn ông Phan bao giờ cũng văn tắt. *Thuyền neo cột đứng như rừng,*

Chỉ có sáu chữ mà tả được một cảnh ở hải cảng Singapour đông đúc tàu thuyền đậu khít nhau, cột buồm đưa lên trên không như cây ở trong rừng, chẳng khác gì một bức tranh vẽ, cách viết văn như thế là tuyệt khéo.

Từ đầu chí cuối tập văn, câu nào cũng khéo đặt, chữ nào cũng khéo dùng, rất đúng nghĩa đạt tình. Thật là câu văn lướt theo tư tưởng.

Ấy, một áng văn như vậy, khi xem đến ai cũng lấy làm vui và bắt đọc tới mãi, chẳng những tại chuyện hay và lạ ở nơi hải ngoại mà thôi, lại cũng vì văn chương lưu loát trơn tru, huống chi tập văn ấy là một quyển nhật ký kỹ thuật những sự kiện văn của người du lịch, xuất hiện trước nhất ở nền quốc văn nước nhà, thời hậu sinh chúng ta lại càng coi như một cái hương hỏa rất quý báu không bao giờ quên, không quên tập văn, không quên tác giả và không quên người dịch ra quốc-âm rất tài tình là ông Tôn-thọ-Tường vậy.

LƯU-HẢI-NAM (S. T.)

6\$ thuê thân

(Tiếp theo trang 9)

lời khuyên giải nên chị giả dạng làm vui mà nói rằng : « Này ba nó, ba nó chớ buồn, tại tháng này má mệ và thằng nhỏ nó yếu hoài tôi không rảnh tay dặng vái trời phù hộ má mạnh, má coi chừng hai đứa nhỏ cho tôi đi bắt ốc hái rau dổi gạo cũng đủ đắp dổi, chừng ấy phần tiền làm thuê mình còn nguyên thì trong một tháng ruồi nữa mình cũng đóng xong đầu thuế thì hết lo đó mình » ?

Nghe vợ khuyên giải mấy lời, anh ta cũng hơi khuây dả một chút. Lúc anh ta bước ra đi, bỗng thấy một cái xe máy ngừng ngoài ngõ, có một người đội nón lông bện áo bành-tô xanh bước vào.

Anh Thanh lật đật chào : « thưa chủ cai, xin mời chủ lại ghé uống nước ấm bụng rồi sẽ đi ». Chủ cai vòng tay nói « cảm ơn, tôi mới uống ở nhà rồi, thầy đội bảo tôi ghé tại đây cho chủ hay rằng : tháng này chủ cũng phải chịu biện trà nước cho thầy đồng nữa, bằng không thầy đem người khác vô, như chủ không có thì đừng tới sở mất công » chủ cai nói rồi từ giã bước ra lên xe đạp đi tuốt.

Bà lão và vợ chồng anh Thanh ngó theo chủ mà ngơ ngẩn, ba người ngó nhau mà sáu giọt nước mắt từ từ đọt chảy ra một lượt.

Anh Thanh dấm ngực nói rằng : « Thứ quân gì mà bắt nhân ác đức quá, tưởng là chịu cho y một đồng, y cho làm luôn luôn cho đến hết công việc, ai dè mới có mấy tuần y đòi đồng bạc khác, bây giờ chạy đâu

cho có mà nạp cho y để giữ chân được nữa.

Chị Thanh lau nước mắt hỏi : « bây giờ mình tính làm sao ? » Anh Thanh đáp cộc cằn rằng : « thì tính làm sao, bây giờ có một phương đi ở độ hoặc là làm ngày theo họ mỗi ngày một cái ăn cơm chủ chớ sao ? Thôi mình ở nhà để tôi ra chợ kiếm chỗ ở mướn may được chủ nhân từ, tôi lãnh trước vài tháng công đóng đầu thuế phứt cho rồi, miễn là mạnh giỏi, mình lẩn lóc tới đâu hay đó.

Chị Thanh nói : « mình đi kiếm sở làm có không trưa cũng về đừng để má trông đợi, nghe mình ».

Anh Thanh gật đầu lấy nón đội lên, vừa muốn bước ra, chợt thấy ngoài đường một đám

người đi đông, cả thầy đều bị xích tay phải đi hàng đôi đều nhau đi sau một chú lính vai mang súng tay ôm sổ vừa đi vừa thúc hối bọn kia bắt phải chạy lúp xúp theo cho kịp kéo trễ buổi hầu ; hỏi ra thì là bọn dân quê đang đi kiếm việc làm bị sách, xét giấy thuế thân không có mà thộp cả bọn đó.

Anh Thanh thấy vậy, mặt tái ngắt lật đật thụt vô nhà, anh day mắt lại ngó mẹ và vợ thì thấy 2 cặp điện quang của bốn con người kia dọi ngay vào điện quang của cặp mắt anh Thanh tựa hồ rập hỏi anh một câu :

Con có thấy ??

Mình có thấy... ??

DƯƠNG-TẤN-LÔNG
(Gocong)

Một quyển sách nên xem

Về nước gần 10 năm nay, sự sống của cụ Phan thường được đồng-bào quốc-dân đề ý tới, nhưng ngày nay coi chừng cụ không muốn phiền anh em nữa nên cụ giao cho M. Hồ hữ Nhã, chủ tiệm THANH-THANH lo xuất bản tập thi văn của cụ dặng bán lấy tiền lời giúp vào sự sống ; Trong cuốn *Sáo-Nam văn tập* có trên 150 bài vừa vận văn tán văn, đều là tác phẩm có giá-trị đặc biệt. In khéo, giấy tốt, bìa đẹp giá bán 0\$50. Mua sỉ mua lẻ, xin do Thanh-Thanh, 120, Boulevard de la Son-me Saigon.

Tiệm bán đủ thứ sách vở báo chí. Sách quốc-văn xuất bản ở Trung-Bắc, chỉ bán theo giá định ở ngoài.

Tiệm bán nhiều món đồ nội-hóa : ruốc bông cá thu, cá lóc, rượu dàu, nước mắt, thuốc lảo, thuốc lá Cam lê, Brillantine, Crème và quần áo trẻ con may kiểu kim thời, v. v.

Tiệm làm đại-lý cho các nhà thuốc có danh tiếng lấy lừng Trung-Nam-Bắc như dầu Khuynh Diệp, Ông-Tiên, Võ-Văn-Vân, Nhàn-Mai, Đại-Đồng, thuốc phòng-tích của Vũ-dinh-Tân, thuốc đau răng của Hải-ngọc-Đường và nhà thuốc Nam-thiên-Đường Hanoi là nhà thuốc có giá-trị nhứt Bắc-kỳ đã được đồng-bào trong Nam hoan nghinh đặc-biệt.

TỜ BÁO RIÊNG CỦA

BỌN HÀNH - KHẮT



Nói ra hình như truyện bày đặt khôi hài, nhưng mà chính là chuyện có thật.

Tại kinh - thành Ba - lê nước Pháp bảo hộ ta hiện giờ, thật có tờ báo cơ - quan riêng của đám dân « ngựa tay xin xu ». Tên báo là *Journal des Mendi-gots*. Nhà sáng - lập ra nó, lại kiêm lãnh cả mấy chức chủ-nhiệm, quản - lý và chủ - bút, chính là một người trong làng hành - khất ; ông ta trước kia từng làm thơ ký nô-te, về sau sa cơ thất thế, phải đi xin độ nhật rồi sáng lập ra tờ báo nói đây. Nhiều phóng-sự-viên của các tờ đại nhật báo ở Paris — trong đó có M. Jules Chancel ở tuần báo *Tout-à-vous* — đã từng nghe danh, đến thăm ông bạn đồng nghiệp chủ tờ báo hành khất này.

Họ thấy ông da nhăn râu dài, tay chân bẩn thỉu, áo thì mất khuy mấy cái, lấy giấy bọc thế nào. Bề ngoài coi lời thôi vậy, chớ ông vẫn giữ cái thể diện một ông chủ-nhiệm kiêm chủ-bút oai nghi đảo đẽ.

Báo-quán *Journal des Mendi-gots* đặt ở trong quán rượu tối hẹp, gần lối nhà thờ Saint-Paul.

Ông chủ - bút này khoe với các bạn đồng - nghiệp tới thăm kia rằng mỗi ngày ông bán tờ

báo của ông cũng kiếm được lối 40 hay 50 quan. Cách thức tờ báo in ra chỉ tùy theo cái túi nặng nhẹ của ông chủ : khi thì đưa nhà in in đẹp hẳn hoi, khi thì in xu xoa ; lại cũng có khi ông tự viết tay.

Vậy mà tờ báo sắp đặt có vẻ khả quan mới lạ ! Đầu hết cũng có bài xã-luận ngổ ý cự ngay nhà nước sao lại chia ra những phạm-vi giới hạn này kia trong kinh thành, để không cho bọn hành khất kiếm ăn tự do ?

Trong báo có mục kê rõ những nhà nào ở đường nào mà nhắm thế chur vị đọc - giả có thể tới đặt chuông rá mắt, ngựa tay xin xu được, mười phần may mắn đến bảy tám.

Rồi tới khoảng đăng các lời rao vặt, nhà báo tính giá mỗi hàng từ 10 xu cho tới 15 quan, tùy việc rao bán khinh trọng. Ấy là mục đăng những lời rao nhượng bán chỗ đứng để ngựa tay xin xu. (Vì ở Ba-lê, người hành-khất được đứng chỗ nào ăn xin là sự nhất định và có phép của cò bóp cho, chớ không phải được đi luồn thông khắp cả châu thành).

Đại khái một cái lời rao đó như vậy : « Muốn nhượng lại một cái địa vị ở phía đông nhà thờ trong một xóm rất nhiều người ra vô qua lại. Hoa lợi

mỗi ngày được tới 25 quan mà chỉ phải đứng có 4 giờ đồng hồ là đủ. »

Tờ báo lạ lùng ngộ nghĩnh lắm chớ !

M. Jean Chancel, phóng sự viên của *Tout-à-vous* đến thăm ông chủ báo hành-khất tại báo quán là quán rượu ở gần nhà thờ Saint-Paul ; sau khi tỏ bày sơ qua công việc và đưa mấy tờ báo cho coi rồi ông ta nói :

— Người ta cứ mắng bọn ăn xin là biếng nhác, không nên thân, chớ người ta không xét rằng chúng tôi cũng có ích-lợi cho xã - hội. Chúng tôi nghèo khổ không có công chuyện gì miễn thì chúng tôi phải hành-khất để mưu sinh chứ sao ! Phải, chúng tôi không làm sự gì có lợi cho đời, thì chúng tôi cũng chẳng làm gì có hại cho ai ; chỉ vì cảnh nghèo đói nên chúng tôi ngựa tay ra xin một cách cung kính, xin cô bác bố thí cho từng đồng xu. Thà cứ kiếm ăn như thế, chẳng hơn là cái phường lên xe xuống ngựa, áo tốt nón sang, chưng bảnh bao là chủ ngân-hàng này, nhà lý-tài khác, mà chúng lường gạt người ta bạc muôn bạc triệu, tức là phường ăn cắp kia sao !

Ai trả lời ông chủ báo hành khất về câu đó được thì trả lời đi !

(Tân-Văn)

DỊCH HÁN VĂN**Xuân giang hoa nguyệt gia ⁽¹⁾**

Đối cảnh..

Từ cảnh
chung

tưởng riêng
về giếng với
người

Do đám mây
chờ vợ

sinh tình

tưởng đến
người ly biệt

Chồng
(người lạ đi
thuyền)
Vợ

Giếng quấy rày
vợ, chồng
chưa về, đuổi
giếng không
được

Xuân muộn,
chồng vẫn
chưa về !

Sông xuân liền bề, nước triều bằng,
Mặt bể giếng trong, nước cũng dâng.
Lấp lánh theo làn muôn nghìn dặm,
Sông xuân đâu có chỗ không giếng?
Nước sông vẫy lượn nơi thơm ngát,
Giếng tỏ rừng hoa lốm đốm xinh.
Sương xuống trong không, nom chẳng thấy,
Cát bồi trên bãi, trắng, vô hình.
Sông giới một sắc, không như bụi,
Vàng vặc vàng giếng ở dữa giới.
Giếng sáng bên sông ai thoát thấy?
Năm nào giếng sáng thoát soi người?
Người sinh kiếp kiếp không cùng tận,
Mãi mãi giếng sông vẫn giống xưa.
Chẳng biết giếng soi ai đó vậy?
Sông rài chỉ thấy nước trôi bừa.
Phiến mây trắng trắng bay xa thẳm,
Xanh tit cây sông chẳng xiết sâu.
Thuyền nhỏ đi đêm ai đó tá?
Lầu cao giếng tỏ, kẻ mong đâu?
Khá thương nhà cửa giếng quanh quần,
Hầu chiếu đài gương kẻ nhớ mong;
Như ngọc trong rèm, cuốn chẳng được,
Trên bàn giặt áo, suối như không.
Bấy giờ cùng ngóng, tin không thấy;
Thiếp muốn xua giếng đến chiếu chàng:
Muốn cây chim bay, đều mỗi cánh,
Toan nhờ cá nhẩy, chỉ thành quăng...
Đang đêm yên lặng mê hoa rụng.
Tiếc nửa xuân qua, vẫn vắng nhà.
Xuân hết còn gì, sông vẫn chảy,
Đầm sông giếng lại xẽ tà tà.
Giếng tà chìm đắm trong sương bề,
Sông núi đường rài mãi chẳng cùng:
Không biết nhân giếng về mấy kẻ?
Giếng tà tình động khắp cây sông.

BÙI TIẾN-RÍNH dịch

(1) Cảnh chơi đêm ở trên con sông xuân có trăng và hoa. Nguyên văn của Trương-Nhược-Hư.
Ngày xưa, vua Hậu-chúa nhà Trần bên Tàu, lúc nhàn rỗi, thường cùng các cung nữ văn sĩ làm thơ chơi.
Nhân gặp tiết xuân, vua lấy đầu đề này ngâm, mà rồi chỉ có bài thơ này hay nhất.

KỶ THI SƠ-HOC PHÁP-VIỆT SẮP TỚI

các ông giáo, các bà giáo, và các nam - nữ học - sinh nhớ mua cuốn :

82 bài luận quốc-văn

CỦA GIÁO - HỌC NGUYỄN - ĐỨC - BẢO
soạn theo chương - trình mới
dùng cho các học-trò lớp
Trung-Đẳng và Cao-Đẳng
các trường Pháp-Việt

Sách dày gần 90 trang — Giá bán 0\$30
Cước 0\$06. Gửi bằng timbres postes
(cò) cũng được đề cho :
Đông - Tây ấn - quán
193, phố hàng Bông
HANOI

Các ông Giáo mua từ 10 quyển trở lên
biếu thêm 1 quyển và cước phí
về Đông - Tây ấn - quán chịu.

THIỆU NIÊN TẤT ĐỘC

CỦA ÔNG GIÁO TRỊNH ĐÌNH XUYỀN SOẠN

Một bộ chuyện vui, góp nhặt cổ
kim đông tây các chuyện đủ gây
cho bạn thiếu niên những tính
cách chính trực, nhẵn nài, dũng
cảm, hào hiệp và có độ lượng.

Gồm có 2 quyển nhất và nhì, dưới mỗi quyển đều có
phụ thêm mục « Ang lê học lấy (l'Anglais sans maître) »
rất tốt. Cả bộ trước bán 0\$30 nay bán nửa tiền 0\$15 tại
Đông Tây ấn quán, 193, hàng Bông, Hanoi, gửi bằng timbres
postes cũng được, nhớ thêm tiền cước thường là 0\$06.

CANDIDATS ET CANDIDATES !
n'oubliez pas d'acheter le :

RECUEIL DE DICTÉES

données aux examens du certificat d'Etudes Primaires
franco-indigènes et aux concours d'admission aux di-
vers établissements d'enseignement primaire supérieur

PAR

DƯƠNG - QUẢNG - HÀM
=Professeur au Lycée=
du Protectorat à Hanoi

50 dictées expliquées
50 dictées d'application
Conseils et indications aux
candidats



Ouvrage adopté
par

la Commission des ma-
nuels scolaires pour
les Ecoles franco-in-
digènes de l'Indochine



168 pages in-16
prix : 0\$45 — port : 0\$16
Envoyez des timbres postes
à l'imprimerie Đông-Tây
193, Rue du Coton — Hanoi

**MỘT QUYỀN SÁCH
RẤT CẦN, NHÀ
NÀO CŨNG
PHẢI CÓ**

Cử-nhân DƯƠNG-BÁ-TRẠC
soạn. Có cả các bài văn
khẩn và khoản thức biên
gia phả. Lại có in sẵn
nhiều trang để người nào
có quyền này chỉ việc điền
gia phả của nhà mình
vào. dày gần 60 trang
Giá 0\$15— cước 0\$03.



**GIA LỄ
GIẢN-
YÊU**

gửi cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng Bông, Hanoi

Sách bán rẻ đặc biệt !

MẢNH HỒN THƠ của LÊ VĂN HÒE	trước bán	0\$18	nay bán	0\$07	Cước	0\$03
NAM QUỐC NỮ LƯU của SỞ CƯỜNG LÊ-DƯ		0.40		0.20		0.06
NỮ LƯU VĂN HỌC SỬ —		0.30		0.15		0.06
BÊN NGHĨA BÊN TÌNH của TRỊNH-ĐÌNH-XUYỀN		0.40		0.10		0.06

Thư và mandat gửi cho Đông-Tây ấn quán, 193, hàng Bông — Hanoi

Imp. Đông-Tây — Hanoi

Le Gérant : Dương-Tu-Quán